26. KINH THÁNH CẦU

(*Ariyapariyesanā Sutta*)[1]

272. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Sāvatthi để khất thực. Có một số đông Tỷ-kheo đến chỗ Tôn giả Ānanda ở; sau khi đến, nói với Tôn giả Ānanda:

– Hiền giả, đã lâu chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Lành thay, Hiền giả Ānanda, nếu chúng tôi được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp!

– Các Tôn giả hãy đến chỗ Bà-la-môn Rammaka ở, và các Tôn giả sẽ được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Thế Tôn, khất thực ở Sāvatthi xong, sau buổi ăn, trên đường trở về, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbārāma (Đông Viên), ngôi lầu của Migāramātu (Lộc Mẫu giảng đường) để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbārāma, ngôi lầu của Migāramātu để nghỉ trưa. Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakoṭṭhaka để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn.

273. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbakoṭṭhaka để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakoṭṭhaka xong, Thế Tôn leo đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

---

[1] Xem *M.* I. 16, 118, 237; II. 91, 209; *D.* II. 1; *S.* I. 298, 501; *A.* II. 247; *Dh.* 94; *It.* 31; *Miln.* 235; *Vin.* I. 1; *Kvu.* 286. *Kinh Ariyapariyesanā* còn được gọi là *Kinh Pāsarāsi* trong bản *Chú giải*. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *La-ma kinh* 羅摩經 (*T.*01. 0026.204. 0775c07). Tham chiếu: *Tăng thượng tâm kinh* 增上心經 (*T.*01. 0026.101. 0588a03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.19.1. 0593a24); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.24.5. 0618a27); *Bổn sự kinh* 本事經 (*T.*17. 0765.4. 0679b23); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da*: *Phá Tăng sự* 根本說一切有部毘奈耶:破僧事 (*T.*24. 1450.5. 0125c29).

– Bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka không xa; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả ái; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả lạc; bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng từ bi đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang hội họp tại tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka để thuyết pháp. Thế Tôn đứng chờ ngoài cửa cho đến khi thuyết pháp xong. Thế Tôn biết cuộc thuyết pháp đã xong, liền đằng hắng và gõ vào thanh cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka và ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các người nay hội họp bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các người bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, câu chuyện giữa chúng con thuộc về Thế Tôn và câu chuyện ấy bị gián đoạn khi Thế Tôn đến.

– Này các Tỷ-kheo, lành thay khi thiện nam tử các người, vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cùng nhau hội họp để luận bàn đạo pháp. Này các Tỷ-kheo, khi các người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.[2]

274. Này các Tỷ-kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu. Chư Tỷ-kheo, và thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sanh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị già? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị bệnh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị bệnh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh.[3] Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị chết? Này các Tỷ-kheo, vợ con là

[2] *MA*. II. 169: Ở đây, sự im lặng của bậc Thánh ở Thiền thứ hai.

[3] *MA*. II. 170 nêu rõ vàng và bạc không thể bị hoen ố, hư hoại, nhưng sắt, v.v… có thể bị rỉ sét, hư hoại và trải qua thời gian bị bụi bẩm, nhơ bẩn.

bị chết; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị sầu? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sầu; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu; gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu. Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các người gọi là bị ô nhiễm? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

275. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Thánh cầu.

276. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi giác ngộ, khi chưa chứng Chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Tại sao Ta tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... (như trên)... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

277. Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian,[4] khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Āḷāra Kālāma ở, khi đến xong liền thưa với Āḷāra Kālāma: "Hiền

[4] Xem *M.* I. 240; II. 93, 212.

giả Kālāma, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Āḷāra Kālāma nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này các Tỷ-kheo, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí[5] và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa),[6] và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Āḷāra Kālāma tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Āḷāra Kālāma biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Hiền giả Kālāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo, được nói vậy, Āḷāra Kālāma tuyên bố về Vô sở hữu xứ. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Āḷāra Kālāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Āḷāra Kālāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Āḷāra Kālāma ở; sau khi đến, Ta nói với Āḷāra Kālāma: "Này Hiền giả Kālāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy này các Tỷ-kheo, Āḷāra Kālāma là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng.

---

[5] *Ñāṇavāda*. Tham khảo: *D*. III. 13; *A*. V. 42ff. *MA*. II. 171 viết *Jānāmīti vādaṃ*, nghĩa là học thuyết mà "Tôi biết."

[6] Theravāda. *MA*. II. 171 viết *thirabhāvavādaṃ*; *thero ahametthāti etaṃ vacanaṃ*, một vị có đạo lực.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ." Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

278. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này." Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Rāmaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống [và an trú]. Pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình [chỉ dạy], tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú." Này các Tỷ-kheo, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão, và Ta tự cho rằng: Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Rāma tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú.' Chắc chắn Rāma thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Hiền giả Rāma, cho đến mức độ nào, ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Uddaka Rāmaputta tuyên bố về Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rāma mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rāma mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rāma mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rāma mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rāma mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rāma tuyên bố: 'Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú.'" Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Uddaka Rāmaputta ở; sau khi đến, Ta nói với Uddaka Rāmaputta: "Này Hiền giả Rāma, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"

– Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?

– Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy.

– Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng Phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như

vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Rāmaputta là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy, ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

279. Này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và đến tại tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng[7] chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn." Và này các Tỷ-kheo, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn."

280. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi Ta. Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.

281. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận,

[7] Nerañjarā: Sông Ni-liên-thiền.

vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Y tánh duyên khởi pháp (*Idappaccayatā Paṭiccasamuppāda*); sự kiện này thật khó thấy, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!" Này các Tỷ-kheo, rồi những kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

Sao Ta nói Chánh pháp,
Được chứng ngộ khó khăn?
Những ai còn tham sân,
Khó chứng ngộ pháp này.
Đi ngược dòng, thâm diệu,
Khó thấy, thật tế nhị,
Kẻ ái nhiễm vô minh,
Không thấy được pháp này.

282. Rồi này các Tỷ-kheo, với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Ta; với tâm tư của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp." Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co, hay co cánh tay đang duỗi; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng vái Ta và bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. [Nếu được nghe], những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp." Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói vậy, lại nói thêm như sau:

Xưa tại Magadha,
Hiện ra pháp bất tịnh.
Pháp do tâm cấu uế,
Do suy tư tác thành.
Hãy mở tung mở rộng,
Cánh cửa bất tử này.
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Thanh Tịnh Chứng Ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi [tột cao],
Có người đứng nhìn xuống,
Đám chúng sanh quây quần.

Cũng vậy, ôi Thiện Thệ!
Bậc Biến Nhãn Cùng Khắp,
Leo lên ngôi lâu đài,
Xây dựng bằng Chánh pháp,
Bậc Thoát Ly Sầu Muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị sầu khổ áp bức,
Bị sanh già chi phối.
Đứng lên vị Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng Chiến Trường.
Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách,
Bậc Thoát Ly Nợ Nần.
Hãy đi khắp thế giới,
Bậc Thế Tôn Chánh Giác!
Hãy thuyết Vi diệu pháp,
Người nghe sẽ thâm hiểu.

283. Này các Tỷ-kheo, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác, một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đẫm ướt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm trong lỗi lầm phải tái sanh thế giới khác, một số ít không thấy sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sahampati:

Cửa bất tử rộng mở,
Cho những ai chịu nghe.
Hãy từ bỏ tín tâm,
Không chính xác của mình.
Tự nghĩ đến phiền toái,
Ta đã không muốn giảng,
Tối thượng Vi diệu pháp,
Giữa chúng sanh loài người.

Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati tự nghĩ: "Ta đã tạo cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng [về Ta] rồi biến mất tại chỗ.

284. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Nay có Āḷāra Kālāma là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Āḷāra Kālāma, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Này các Tỷ-kheo, rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Āḷāra Kālāma đã mệnh chung bảy ngày rồi." Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn[8] cho Āḷāra Kālāma. Nếu nghe pháp này, Āḷāra Kālāma sẽ mau thâm hiểu." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay có Uddaka Rāmaputta là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Uddaka Rāmaputta, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Rồi chư thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung ngày hôm qua." Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Uddaka Rāmaputta đã mệnh chung hôm qua." Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Uddaka Rāmaputta. Nếu nghe pháp này, Uddaka Rāmaputta sẽ mau thâm hiểu." Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nhóm năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này các Tỷ-kheo, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, Lộc Uyển. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi ở tại Uruvelā lâu cho đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Bārāṇasī.

285. Này các Tỷ-kheo, một tà mạng ngoại đạo (*ājīvaka*) tên là Upaka đã thấy Ta khi Ta còn đi trên con đường giữa Gayā và cây Bồ-đề.

Sau khi thấy, vị ấy nói với Ta:

– Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với tà mạng ngoại đạo Upaka bài kệ như sau:

– Ta, bậc Thắng Tất Cả,
Ta, bậc Nhứt Thiết Trí,

[8] *Mahājāni*. Ngài Buddhadatta viết *jāni* là *hāri*, sự thiệt hại.

Hết thảy pháp không nhiễm,
Hết thảy pháp xả ly.
Ta sống chân giải thoát,
Đoạn tận mọi khát ái,
Như vậy Ta tự giác,
Còn phải y chỉ ai?
Ta không có Đạo sư,
Bậc như Ta không có,
Giữa thế giới nhơn, thiên,
Không có ai bằng Ta.
Bậc Ứng Cúng Trên Đời,
Bậc Đạo Sư Vô Thượng,
Tự mình Chánh đẳng giác,
Ta an tịnh, thanh thoát.
Để chuyển bánh xe pháp,
Ta đến thành Kāsi,
Gióng lên trống bất tử,
Trong thế giới mù lòa.

– Như Hiền giả đã tự xưng, Hiền giả xứng đáng là bậc Chiến Thắng Vô Tận.

– Như Ta, bậc Thắng Giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch.

Này các Tỷ-kheo, sau khi được nghe nói vậy, tà mạng ngoại đạo Upaka nói với Ta: "Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy." Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngả khác.

286. – Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tuần tự đi đến Bārāṇasī, Isipatana, Lộc Uyển, đi đến chỗ nhóm năm Tỷ-kheo ở. Này các Tỷ-kheo, nhóm năm Tỷ-kheo khi thấy Ta từ xa đi đến, đã cùng nhau thỏa thuận như sau: "Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đang đi đến; vị này sống trong sự sung túc, đã từ bỏ tinh cần, đã trở lui đời sống đầy đủ vật chất. Chúng ta chớ có đảnh lễ, chớ có đứng dậy, chớ có lấy y bát. Hãy đặt một chỗ ngồi, và nếu vị ấy muốn, vị ấy sẽ ngồi." Này các Tỷ-kheo, nhưng khi Ta đi đến gần, năm Tỷ-kheo ấy không thể giữ đúng điều đã thỏa thuận với nhau. Có người đến đón Ta và cầm lấy y bát, có người sắp đặt chỗ ngồi, có người đem nước rửa chân đến. Nhưng các vị ấy gọi Ta bằng tên với danh từ Hiền giả (*Āvuso*). Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ có gọi Ta bằng tên và dùng danh từ Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến

giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì nay làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được pháp Siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc... (như trên)... các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ ba, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, từ trước đến nay, các ông có chấp nhận là Ta chưa bao giờ nói như vậy (*vabbhācita*) chăng?

– Bạch Thế Tôn, chưa bao giờ như vậy.

– Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt được ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã làm cho nhóm năm Tỷ-kheo chấp nhận. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho hai Tỷ-kheo. Ba Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn

mà ba Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.[9] Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho ba Tỷ-kheo. Hai Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà hai Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.[10] Này các Tỷ-kheo, chúng năm Tỷ-kheo, sau khi được Ta thuyết giảng, sau khi được Ta khuyến giáo, tự mình bị sanh, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái không chết... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các [khổ] ách, Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi họ: "Sự giải thoát của chúng ta không bị dao động, đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."

287. Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng.[11] Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn." Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn." Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như nó muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn." Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn." Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như nó muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

---

[9] Gotama và nhóm 5 vị Tỷ-kheo.

[10] Theo *MA*. II. 193, đây là một phần của phi Thánh cầu.

[11] Bốn loại nai ở đây cũng được nói trong *M*. 25, *Nivāpa Sutta* (*Kinh Bẫy mồi*), xem *M*. I. 159.

Chư Tỷ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: Một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm tay của Ác ma.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời của Thế Tôn dạy.